

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số:130/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-10-2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Phúc Tiến

2. Ông Lê Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa

Ngày 23/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh H - Sinh năm: 1977 (Có mặt)

Cư trú tại: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân V – Sinh năm: 1974 (Có mặt)

Cư trú tại: Tổ B, khối B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Xuân V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18 tháng 6 năm 2003.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Nguyễn Xuân V ham chơi cá độ, cờ bạc, rượu chè đã nhiều lần hành hung đánh đập tôi. Có

thời gian tôi phải về nhà mẹ đẻ để sống. Sau đó tôi nghĩ vì các con còn nhỏ dại nên đã tạo cơ hội cho anh V thay đổi tính tình, quan tâm chăm sóc gia đình nhưng anh V vẫn không thay đổi vẫn tiếp tục đánh đập tôi.

Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Xuân V nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày: 26/10/2004 và cháu Nguyễn Xuân Khôi N, sinh ngày: 07/01/2008. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi là được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu anh Nguyễn Xuân V cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tôi.

*** Bị đơn anh Nguyễn Xuân V trình bày:**

Tôi thừa nhận lời trình bày của cô Trần Thị Thanh H về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Tôi và cô H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18 tháng 6 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi hạnh phúc được thời gian đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay vợ tôi có đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn và tôi muốn có cơ hội sửa chữa tính tình để hai con của tôi đều có cả cha lẫn mẹ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày: 26/10/2004 và cháu Nguyễn Xuân Khôi N, sinh ngày: 07/01/2008. Nếu vợ tôi cứ nhất quyết ly hôn thì các con muốn ở với ai thì tùy các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì tôi không muốn ly hôn nên tôi không có ý kiến gì về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V và nguyện vọng chăm sóc nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18 tháng 6 năm 2003. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Xuân V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị H xác định hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh V nữa. Vì anh V không có trách nhiệm với gia đình, không chịu làm kinh tế để chăm sóc vợ con. Tình cảm vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn đã lâu và chị H đã tạo điều kiện cho anh V thay đổi tính tình, quan tâm chăm sóc gia đình nhưng anh V vẫn không thay đổi tính tình còn ham cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn không cải thiện được nên cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì và hàn gắn được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy; Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Xuân V đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày: 26/10/2004 và cháu Nguyễn Xuân Khôi N, sinh ngày: 07/01/2008, nội dung trong các bản tự khai thể hiện các cháu đều có mong muốn được sống cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H có mức thu nhập ổn định, hội đủ điều kiện nuôi được cả hai cháu nên để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của các cháu Nguyễn Xuân K, Nguyễn Xuân Khôi N nên giao các cháu K, N cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H. Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày: 26/10/2004 và cháu Nguyễn Xuân Khôi N, sinh ngày: 07/01/2008 đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Xuân V không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Nguyễn Xuân V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Trần Thị Thanh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0007469 ngày 20 tháng 6 năm 2018.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My